TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 338/2018/HS-ST
Ngày: 17/8/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

Các hội thẩm nhân dân: ông Phan Thế Long và bà Trần Thị Như Hoa

Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Minh – Thư ký Tòa án nhân dân TP Vinh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Huệ - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 8 năm 2018; tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 291/2018/HSST ngày 06 tháng 7 năm 2018. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 410/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Tuấn A**; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 09/8/1996 tại huyện C, tỉnh NA; Nơi đăng ký thường trú: xóm T, xã C, huyện C, tỉnh NA; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn V (chết) và bà Lê Thị H, (sinh năm 1972); Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2018 đến ngày 12/01/2018 được tại ngoại. Đến ngày 29/3/2018 bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Lê Đăng T, Công tác tại: Văn phòng luật sư Đăng T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An, Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Người bị hại: 1. anh Trần Văn Đ, sinh năm 1995

Địa chỉ: xóm T, xã N, huyện T, tỉnh NA. Có mặt.

2. anh Nguyễn Phong N, sinh năm 1993; Địa chỉ: xóm L, xã S, huyện H, tỉnh H. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Doãn Đ, sinh năm 1994; Địa chỉ: thôn 10, xã T, huyện T, tỉnh NA. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. chị Chu Thị H, sinh năm 1995; Địa chỉ: thôn T, xã M, huyện C, tỉnh NA. Có mặt.

2. anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995; Địa chỉ: xã H, huyện H, tỉnh NA. Có mặt.

3. chị Phan Thị Thùy G, sinh năm 1997; Địa chỉ: khối X, phường H, thành phố V, tỉnh NA. Vắng mặt.

4. anh Thái Văn U, sinh năm 1996; Địa chỉ: xóm T, xã Y, huyện C, tỉnh NA. Có mặt.

5. Bà Đặng Thị S, sinh năm 1950; Địa chỉ: khối X, phường H, thành phố V, tỉnh NA. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 02/01/2018, Nguyễn Tuấn A và chị Chu Thị H (sinh năm 1995, trú tại xóm Đ, Huyện C, tỉnh NA) cùng anh Nguyễn Văn T (sinh năm 1994, trú tại Xã H, Huyện H); chị Phan Thị Thùy G (sinh năm 1997, trú tại: khối G, phường D, thành phố V) sau khi đi ăn thì cùng nhau trở về phòng trọ của chị H tại nhà bà Đặng Thị S ở số 14, ngõ 23, đường T thuộc khối X, phường H, TP Vi. Khi cả 4 người về đến cổng phòng trọ thì gặp anh Nguyễn Doãn Đ (sinh năm 1994, trú tại: Xã T, Huyện T, NA), anh Đ nói với mọi người rằng để anh nói chuyện riêng với chị H một tý nên Nguyễn Tuấn A, anh T và chị G đi vào phòng trọ của chị H còn chị H thì ở lại để nói chuyện với anh Đ. Trong lúc nói chuyện với H, thì Đ có hỏi chị H: "Người yêu em đó à, nếu người yêu em thì phải nói cho anh biết", chị Hiền trả lời: "ừ, em đã bảo anh rút lui đi còn gì", Đạt lấy điện thoại di động ra và gọi điện cho anh Nguyễn Phong N (sinh năm 1993, trú tại Xã S, Huyện H, tỉnh H) và anh Trần Văn Đ (sinh năm 1995, trú tại Xã N, Huyện T, tỉnh NA) đến dãy trọ nêu trên. Tại thời điểm này, sau khi đi vào phòng trọ, Nguyễn Tuấn A quay trở ra cổng phòng trọ và hỏi Chu Thị H: "Có chuyện chi rứa em", chị H im lặng không nói gì, Tuấn A quay sang nói với Nguyễn Doãn Đ: "Có vấn đề gì thì để em đi ra ngoài nói chuyện cho rõ ràng". Thấy ngoài Đ còn có hai người khác nên Tuấn A đã đi vào phòng chị H lấy 01 (một) con dao cán nhựa màu xanh, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 24 cm, sắc nhọn dấu trong ống tay áo bên phải và quay trở lại nơi chị H và anh Đ đang đứng nói chuyện. Đến nơi Tuấn A liền hỏi chị H: "Em có phải người yêu anh không", chị H trả lời: "Em là người yêu anh" ngay lúc đó Đ dùng tay phải tát vào mặt chị H một cái nên Tuấn A nói

với anh Đ: "Răng mi lại đánh người yêu tau, mi muốn chi" nhưng Đ liền cãi là không phải tát nên giữa Tuấn A và Đ xảy ra cãi vã, thách thức đòi đánh nhau. Thấy vậy, N và Đ liền xông vào đánh Tuấn A, N dùng mũ bảo hiểm, còn Đ dùng chân, tay không để đánh Tuấn A, lúc đầu Tuấn A dùng tay không để đánh trả, sau đó thì dùng Dao đâm trúng một nhát vào mạng sườn trái của Đị và đâm trúng một nhát vào vùng ngực trái của Nh. Được mọi người can ngăn nên Đ, N và Đ lùi lại bỏ ra về, thấy Đ bị thương, chảy nhiều máu nên Đ và N đã đưa Đ đến Bệnh viện Hữu nghị đa khoa tỉnh Nghệ An cấp cứu, Nhã bị rách da nhẹ không có thương tích gì, còn Tuấn A thì giấu con dao ở cạnh khu vực cổng nhà trọ rồi ra về. Đến 01 giờ ngày 03/01/2018, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đã bị cơ quan Công an phát giác nên Nguyễn Tuấn A đã đến Công an TP Vinh đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nếu trên.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 43/TTPY ngày 07/2/2018 của Trung tâm pháp y sở y tế tỉnh Nghệ An kết luận: 01 vết thương thấu bụng gây tổn thương thủng dạ dày, tổn thương lách, tụy đã điều trị phẫu thuật khâu lỗ thủng dạ dày, cắt lách, cắt thân đuôi tụy và một sẹo vết thương ở ngón 3 tay trái. Tổn hại sức khỏe do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 72%.

Vật chứng thu giữ là: 01 (một) con dao nhọn (loại dao gọt hoa quả) dài 24cm, lưỡi dao bằng kim loại màu sáng sắc nhọn dài 13 cm, cán dao bọc nhựa màu xanh dài 11 cm, được bảo quản tại kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh.

Tại Bản cáo trạng số 319/VKS-HS ngày 05/7/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh đã truy tố Nguyễn Tuấn A về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã quy kết và không tranh luận gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của Luật sư tại phiên tòa: nhất trí với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn A về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm d khoản 4 điều 134 BLHS và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra" do sự việc xảy ra là do lỗi của những người bị hại vô cơ đánh bị cáo trước, gây bức xúc, làm cho bị cáo bị kích động về tinh thần dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d

khoản 4 Điều 134; điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị.

Người bị hại có mặt tại phiên tòa nhất trí với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn A về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm d khoản 4 điều 134 BLHS và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Những người làm chứng có mặt tại phiên tòa cam đoan mọi lời khai trong quá trình điều tra là đúng sự thật khách quan của sự việc.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A từ 07 năm đến 07 năm 6 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"; về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo phải bồi thường theo cho người bị hại theo quy định của pháp luật; và đề nghị áp dụng Điều 106 BLTTHS năm 2015 xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật. Không chấp nhận đề nghị của Luật sư cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra" được quy định tại điểm e khoản 1 điều 51 BLHS vì: bị cáo là người chủ động chuẩn bị sẵn hung khí từ trước, việc bị hại dùng tay không và mũ bảo hiểm đánh bị cáo trước là hành vi trái pháp luật nhưng không đến mức làm cho bị cáo bị kích động về tinh thần.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Phong N bị thương tích nhẹ nên từ chối giám định thương tích và không yêu cầu đền bù dân sự. Anh Trần Văn Đ yêu cầu bị cáo Nguyễn Tuấn A bồi thường số tiền 93.800.000 đồng, bao gồm: 1. Chi phí cho việc cấp cứu, viện phí, điều trị, tiền mua thuốc: 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng)

2. Tiền bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe: 7.000.000 đồng

3. Thu nhập bị mất trong quá trình điều trị: 5.000.000 đồng/1 tháng x 4 tháng = 20.000.000 đồng.

4. Thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc: 200.000 đồng/1 ngày x 14 ngày = 2.800.000 đồng; Tiền xe đi lại, thuê nhà trọ của người chăm sóc: 2.000.000 đồng

5. Tiền bù đắp tổn thất tinh thần: 50.000.000 đồng

Bị cáo không chấp nhận mức yêu cầu bồi thường thiệt hại của người bị hại vì quá cao, hoàn cảnh gia đình khó khăn, là hộ nghèo, lỗi một phần thuộc về người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Vinh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Nguyễn Tuấn A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, lời khai của người bị hại; lời khai người làm chứng; Kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đầy đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 22 giờ ngày 02/01/2018, do có mâu thuẫn chuyện tìm hiểu bạn gái giữa Nguyễn Tuấn A và anh Nguyễn Doãn Đ, nên Đạt gọi điện cho bạn là Nguyễn Phong N và Trần Văn Đ đến tại trước số nhà 14, ngõ 33, đường T, thuộc khối X, phường H, thành phố V. Tại đây, cả 4 người cãi vã, thách thức đánh nhau, N sử dụng mũ bảo hiểm đánh T, Đ sử dụng tay chân đánh Tuấn A nhưng đều không gây thương tích gì. Nguyễn Tuấn A đã dùng 01 con dao nhọn (loại dao gọt hoa quả) dài 24cm, lưỡi dao bằng kim loại màu sáng sắc nhọn dài 13 cm (thủ sẵn trước) đâm một nhát vào mạng sườn trái của Đ và đâm một nhát vào vùng ngực trái của N, được mọi người can ngăn nên Đ, N và Đ bỏ chạy, sau đó Đ được Đ và N đưa đến bệnh viện Bệnh Viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An cấp cứu.Tổn hại sức khỏe của anh Trần Văn Đ do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 72% (bảy mươi hai phần trăm). Hành vi đó đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm d khoản 4 điều 134 BLHS như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã quy kết.

[2.2]. Vụ án thuộc loại rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm hại sức khỏe của người khác. Vì vậy, cần phải xét xử nghiêm và

cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, thuộc diện hộ nghèo nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như Viện kiểm sát đề nghị, xử phạt bị cáo mức án thấp mà Viện kiểm sát đề nghị là tương xứng với mức độ nguy hiểm, hậu quả mà hành vi phạm tội bị cáo gây ra. Đối với đề nghị của Luật sư cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra" được quy định tại điểm e khoản 1 điều 51 BLHS, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người chủ động chuẩn bị sẵn hung khí từ trước, việc bị hại dùng tay không và mũ bảo hiểm đánh bị cáo trước là hành vi trái pháp luật nhưng không đến mức làm cho bị cáo bị kích động về tinh thần nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ này.

[2.3]. Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Phong N bị thương tích nhẹ nên từ chối giám định thương tích và không yêu cầu đền bù dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Trần Văn Đ yêu cầu bị cáo Nguyễn Tuấn A bồi thường số tiền 93.800.000 đồng, bao gồm: Chi phí cho việc cấp cứu, viện phí, điều trị, tiền mua thuốc: 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng); Tiền bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe: 7.000.000 đồng; Thu nhập bị mất trong quá trình điều trị: 5.000.000 đồng/1 tháng x 4 tháng = 20.000.000 đồng; Thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc: 200.000 đồng/1 ngày x 14 ngày = 2.800.000 đồng; Tiền xe đi lại, thuê nhà trọ của người chăm sóc: 2.000.000 đồng; Tiền bù đắp tổn thất tinh thần: 50.000.000 đồng . Quá trình giải quyết vụ án, gia đình bị cáo Nguyễn Tuấn A đã bồi thường cho anh Trần Văn Đ số tiền 5.000.000 đồng, nên tại phiên tòa, anh Đ yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 87.800.000 đồng.

Tại phiên tòa, Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội bị cáo đã gây thương tích cho anh Đ, chấp nhận bồi thường thiệt hại cho người bị hại, tuy nhiên do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chỉ chấp nhận bồi thường cho người bị hại số tiền khoảng 50.000.000 đồng. Người bị hại không chấp nhận mức bồi thường trên. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo và người bị hại không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vấn đề bồi thường dân sự, nên căn cứ vào các điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật dân sự và những tài liệu hợp lệ người bị hại xuất trình

nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường của người bị hại. Cụ thể như sau:

- Đối với chi phí cho việc cấp cứu, viện phí, điều trị, tiền mua thuốc, người bị hại chỉ xuất trình được các hóa đơn, chứng từ chứng minh được chi phí này là: 7.610.900 đồng nên HĐXX chấp nhận buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 7.610.900 đồng

Đối với các yêu cầu về: Tiền bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe: 7.000.000 đồng; Thu nhập bị mất trong quá trình điều trị: 5.000.000 đồng/1 tháng x 4 tháng = 20.000.000 đồng; Thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc: 200.000 đồng/1 ngày x 14 ngày = 2.800.000 đồng; Tiền xe đi lại, thuê nhà trọ của người chăm sóc: 2.000.000 đồng. Xét các yêu cầu này phù hợp thực tế bồi dưỡng sức khỏe sau phẫu thuật; phù hợp thu nhập trung bình thực tế của lao động cùng loại với nghề nghiệp của bị cáo và người căm sóc cho bị cáo (lao động tự do) nên cần chấp nhận.

- Đối với tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm: Người bị hại bị tổn hại sức khỏe do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 72%, vì vậy mức bồi thường cần tính bằng 35 tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm bồi thường là phù hợp. Cụ thể: 1.390.000đ x 35 tháng = 48.650.000 đồng.

Tổng số tiền cần buộc bị cáo Nguyễn Tuấn A phải bồi thường cho anh Trần Văn Đ là 88.060.900 đồng, trừ đi số tiền gia đình bị cáo Nguyễn Tuấn A đã bồi thường cho anh Trần Văn Đ (5.000.000 đồng) buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho anh Trần Văn Đ số tiền 83.060.900 đồng.

[2.4]. Về xử lý vật chứng: Đối 01 (một) con dao nhọn (loại dao gọt hoa quả) dài 24cm, lưỡi dao bằng kim loại màu sáng sắc nhọn dài 13 cm, cán dao bọc nhựa màu xanh dài 11 cm là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 47 BLHS và điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

[2.5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật. Vì bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên cần áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 miễn nộp tiền án phí dân sự cho bị cáo

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tuấn A phạm tội "Cố ý gây thương tích"

Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/3/2018, nhưng được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 03/01/2018 đến ngày 12/01/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điều 48 của Bộ luật hình sự; các điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật dân sự: buộc bị cáo Nguyễn Tuấn A có trách nhiệm bồi thường cho anh Trần Văn Đ số tiền 88.060.900 đồng trừ đi số tiền gia đình bị cáo Nguyễn Tuấn A đã bồi thường cho anh Trần Văn Đ buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho anh Trần Văn Đ số tiền 83.060.900 (tám mươi ba triệu không trăm sáy mươi nghìn chín trăm đồng).

Kể từ ngày anh Trần Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền bồi thường trên, hàng tháng Nguyễn Tuấn A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 điều 47 BLHS và điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao nhọn (loại dao gọt hoa quả) dài 24cm, lưỡi dao bằng kim loại màu sáng sắc nhọn dài 13 cm, cán dao bọc nhựa màu xanh dài 11 cm (Vật chứng này hiện có tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vinh theo Phiếu nhập kho số NK974 ngày 12 tháng 7 năm 2018).

Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a khoản 1 điều 23; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo Nguyễn Tuấn A phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm với số tiền được miễn là 4.153.045 đồng cho bị cáo Nguyễn Tuấn A

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An. Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án ND Tỉnh Nghệ An
- VKSND thành phố Vinh
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Chi cục THADS thành phố Vinh
- Công an thành phố Vinh
- Sở Tư pháp Tỉnh Nghệ An
- Bị cáo
- Lưu HS

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Nhung